

Bản án số: 226/2018/DS-PT
Ngày 17 tháng 8 năm 2018
V/v: “V/v tranh chấp di sản thừa kế
QSD đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các thẩm phán: Ông Tô Chánh Trung

Ông Võ Văn Khoa

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Bà Trần Tiểu Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 368/2016/TLPT-DS ngày 15 tháng 12 năm 2017 về việc “Tranh chấp di sản thừa kế quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2017/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 419/2018/QĐ - PT ngày 23 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

Anh Nguyễn Quốc N , sinh năm 1958; (Có mặt)

Chị Nguyễn Thị Ngọc Ph , sinh năm: 1960; (Vắng mặt)

Anh Nguyễn Quốc H , sinh năm 1961; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: , đường 30/4, tổ 20, khóm 2, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Huân, chị Ph : Anh Nguyễn Quốc N , sinh năm 1958;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Nguyễn Quốc N : Luật sư Thái Quang T , Văn phòng Luật sư C thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Tấn T , sinh năm 1945;

Địa chỉ: đường 30/4, tổ 20, khóm 2, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Kim L , sinh năm: 1941;

Địa chỉ: Kim Berly Drirve Champaign Illionois, 61821 USA.

2. Bà Nguyễn Thị Đ , sinh năm: 1935;

Địa chỉ: , ấp Hòa Long, xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Anh Nguyễn Trung T , sinh năm: 1967;

Địa chỉ: khu phố 3, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

4. Anh Nguyễn Trung C , sinh năm: 1969;

Địa chỉ: /4, tổ 20, khóm 2, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

5. Ông Lê Văn S , sinh năm: 1930;

Địa chỉ: , đường Trần Văn Ôn, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

6. Bà Phạm Thị Kim T , sinh năm: 1947;

7. Chị Nguyễn Kim T1, sinh năm: 1979;

8. Chị Nguyễn Thanh T2, sinh năm: 1977;

Cùng địa chỉ: 30/4, tổ 20, khóm 2, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

9. Anh Nguyễn Thanh L , sinh năm: 1978;

Địa chỉ: ấp , phường Hòa Thuận, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

10. Anh Trần Thanh H , sinh năm: 1969;

Địa chỉ: tổ , phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

11. Bà Nguyễn Thị Kim H , sinh năm: 1971;

Địa chỉ: đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

12. Anh Nguyễn Tấn H , sinh năm 1971;

Địa chỉ: , Trần Hưng Đạo, khóm 3, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L , bà D , anh T , anh C , ông S , bà T , chị T , chị T1, anh L , anh H , chị H g, anh Tấn H : Ông Nguyễn Tấn T .

13. Chị Nguyễn Thị Đ , sinh năm: 1963;

14. Chị Nguyễn Thị Thanh X , sinh năm: 1984;

15. Anh Nguyễn Quốc H , sinh năm: 1989;

Cùng địa chỉ: đường 30/4, tổ 20, khóm 2, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D 1, chị X , anh H 1: Anh Nguyễn Quốc N , sinh năm 1958;

16. Anh Lê Quang D , sinh năm: 1983; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Trần Hưng Đạo, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

17. Chị Nguyễn Thị K , sinh năm: 1968;

Địa chỉ: , phường 11, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

18. Anh Nguyễn Tiến Q , sinh năm: 1975;

Địa chỉ: phường 11, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

19. Anh Phan Văn Bé B , sinh năm 1967;

20. Chị Nguyễn Thị Liên Đ , sinh năm 1970;

Cùng địa chỉ: đường Lê Lợi, khóm 1, phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

21. Ông Hồ Văn Đ , sinh năm 1960;

22. Bà Phan Thị D , sinh năm 1963;

Người đại diện theo ủy quyền của bà D : Ông Hồ Văn Đ , sinh năm 1960;

Cùng địa chỉ: , phường 1, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

Anh N . Ông T và luật sư có mặt tại phiên tòa. Anh Q , chị K , anh B B , chị Đ . ông Đ và bà D có xin xét xử vắng mặt. Anh D vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - anh Nguyễn Quốc N , đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh H , chị Ph , chị Đ , chị X , anh H1 trình bày:

Nguồn gốc phân đất tranh chấp là của cụ Nguyễn Văn T và cụ Lê Thị L . Năm 2000 cụ L chết, đến năm 2004 cụ T (ông, bà ngoại của ông N) chết không có di chúc. Năm 2000, ông Nguyễn Tấn T tự ý đăng ký quyền sử dụng đất mà không có sự đồng ý của những người trong gia đình. Tổng diện tích đất là 3.777m² (diện tích thực tế 3.613,5m²), trong đó bao gồm 600m² đất thổ (thửa

412-499) và 3177m² đất lâu năm (thửa 202), tọa lạc tại tổ 20, khóm 2, phường 1, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

Cụ T và cụ Lượng chung sống với nhau có 05 người con gồm:

1/ Ông Nguyễn Tấn K (chết 2005) có các con là Nguyễn Tấn D (chết 2007), Nguyễn Tấn H, Nguyễn Thị Cẩm T (chết 2003).

2/ Bà Nguyễn Thị Đ

3/ Bà Nguyễn Thị T (chết năm 1995) có chồng Nguyễn Văn V, ly hôn năm 1961. Có các con là Nguyễn Quốc N, Nguyễn Thị Ngọc Ph, Nguyễn Quốc H.

- Chồng thứ hai là Lê Văn S có con là Nguyễn Trung T, Nguyễn Trung C, Nguyễn Quốc H (chết năm 1978).

4/ Ông Nguyễn Kim L (định cư tại Mỹ).

5/ Ông Nguyễn Tấn T

Nay anh Nguyễn Quốc N, chị Nguyễn Thị Ngọc Ph, anh Nguyễn Quốc H yêu cầu chia thừa kế phần di sản của cụ Nguyễn Văn T và cụ Nguyễn Thị L đối với diện tích 3.613,5m² (gồm 600m² đất thổ và 3.013,5m² đất lâu năm) đất tọa lạc tại tổ 20, khóm 2, phường 1, thị xã Cao Lãnh (nay là thành phố Cao Lãnh), tỉnh Đồng Tháp, cho 05 người con của cụ T và cụ L. Phần của mẹ anh (bà T) được hưởng là 722,7m² ($3.613,5m^2 : 5 = 722,7m^2$). Bà T có 5 người con gồm: Nguyễn Quốc N, Nguyễn Thị Ngọc Ph, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Trung T, Nguyễn Trung C mỗi người được hưởng một phần diện tích 144,45m². Do Ph, H nhường quyền thừa kế cho anh, nên anh N yêu cầu được hưởng 3/5 phần tài sản mà bà T được hưởng diện tích 433,35m².

Anh Nguyễn Quốc N yêu cầu được nhận đất, có mặt tiền và mặt hậu từ đường 30/4 đến đường Nguyễn Thị Minh Khai. Trong trường hợp ông Thanh không thống nhất thì ông N yêu cầu được nhận đất tại vị trí theo bản án sơ thẩm số 01/DS-ST ngày 17/01/2013 và yêu cầu được sử dụng lối đi ngang 1,2m từ đường 30/4 vào.

Bị đơn – ông Nguyễn Tấn T, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông L, bà Đ, anh T, anh C, ông S, bà T, chị T, chị T1, anh L, anh H, chị H, anh Tấn H trình bày:

Khi cụ T còn sống có cho bà T (mẹ ông N) diện tích 2.000m² đất ruộng ở xã Mỹ Tân và hiện tại diện tích đất này vẫn còn. Sau khi bà T chết (1995), thì có hợp nội bộ gia đình vào tháng 10/2004, ông N thống nhất không nhận phần

tài sản của bà T chết để lại, biên bản họp nội bộ gia đình có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Đồng thời cụ T có giấy ủy quyền và tờ di chúc cho ông có hai nhân chứng, nên ông đi kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 3.777m² (diện tích thực tế 3.613,5m²).

Ông T không đồng ý theo yêu cầu của anh N. Trong trường hợp chia thừa kế thì ông T yêu cầu trừ diện tích đất mà ông T khi còn sống đã chuyển nhượng cho K, Q, H1, H2, Duy tổng cộng 474,6m², trừ phần mồ mã là 200m², nên diện tích chỉ còn lại 2.938,9m². Ông T có lập di chúc để lại cho nên ông được hưởng 50% diện tích đất là 1.469,45m². Phần còn lại 1.469,45m² là của mẹ ông (cụ L) ông thống nhất chia làm 06 phần gồm: Cụ T, ông K (anh H1), bà Đ, bà T, ông L, ông T và một phần thờ cúng, mỗi phần được hưởng là 209,9m².

Cụ T có di chúc cho ông T, ông K chết con là anh H1, bà Đ, ông L nhường quyền thừa kế cho ông T, phần ông T và một phần thờ cúng, nên ông T được hưởng 6 phần từ suất thừa kế của cụ L $209,9m^2 \times 6 = 1.259,4m^2$.

Phần của bà T được hưởng do bà T chết, bà T có chồng là ông Lê Văn S và 05 người con gồm: Ông Nguyễn Quốc N, Nguyễn Thị Ngọc Ph, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Trung T, Nguyễn Trung C, nên phần thừa hưởng của bà T thì ông S được hưởng 50%, phần còn lại của bà T 50% được chia ra làm 06 phần cho những người thừa kế của bà T mỗi người được hưởng 01 phần và 01 phần thờ cúng, nhưng ông S, Trung T, Trung C đã nhường quyền hưởng thừa kế lại cho ông, nên ông T yêu cầu được hưởng 03 phần cụ thể:

+ Phần của bà T được hưởng là 209,9 m² thì ông S là chồng được hưởng 50% là 104,9m².

+ Phần còn lại 104,9m² chia cho những người thừa kế của bà T và 01 phần thờ cúng tổng cộng 7 phần mỗi người được hưởng 01 phần là 14,99m² ($104,9m^2 : 7 = 14,99m^2$). Do ông Sơn và 2 người con của bà Tư nhường quyền thừa kế cho ông T và phần thờ cúng, nên ông T được từ suất thừa kế của bà Tư là 164,86m², phần anh N được 03 phần là 44,99m².

- Tổng cộng ông T được hưởng từ suất thừa kế của cụ L : 1.424,26m².

Ông T yêu cầu gia đình ông N di dời toàn bộ vật kiến trúc có trên đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Phan Văn Bé B và chị Nguyễn Thị Liên Đ cùng trình bày:

Năm 2006 anh B, chị Đ nhận chuyển nhượng diện tích 100m² (05m x 20m), giá 70.000.000 đồng của anh H1. Trong quá trình chuyển nhượng không

có tranh chấp, nên anh B , chị Đ được UBND thị xã Cao Lãnh (Nay là thành phố Cao Lãnh) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 100m² thuộc thửa số 80, tờ bản đồ số 3, ngày 29/11/2006.

Anh B , chị Đ không tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với anh H1, ông T , yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Nguyễn Thị K trình bày:

Năm 2004 chị chuyển nhượng diện tích 90m² (ngang 05m x 18m), giá 80.000.000 đồng giáp với đường Nguyễn Thị Minh Khai dự kiến mở, do ông T đứng tên quyền sử dụng đất. Ông T đã làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho chị đứng tên thửa 81, tờ bản đồ số 3 do UBND thị xã Cao Lãnh (Nay là thành phố Cao Lãnh) ngày 19/10/2006. Chị K không tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông T , yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Lê Quang D trình bày:

Năm 2004, ông T chuyển nhượng cho anh diện tích 90m² (ngang 05m x 18m), giá 50.000.000 đồng giáp với đường Nguyễn Thị Minh Khai dự kiến mở, do ông T đứng tên quyền sử dụng đất. Khi chuyển nhượng không ai tranh chấp, ông T đã làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho anh đứng tên thửa 83, tờ bản đồ số 3, ngày 15/5/2006. Nay anh Duy không tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông T , yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Nguyễn Tiến Q trình bày:

Năm 2004, ông T chuyển nhượng cho anh diện tích 90m² (ngang 05m x 18m), giá 150.000.000 đồng giáp với đường Nguyễn Thị Minh Khai dự kiến mở, do ông T đứng tên quyền sử dụng đất. Khi chuyển nhượng không ai tranh chấp, ông T đã làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho anh đứng tên thửa 82, tờ bản đồ số 3, ngày 19/10/2006. Nay anh Q không tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông T , yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Hồ Văn Đ trình bày:

Ngày 24/01/2011, vợ chồng ông có chuyển nhượng đất của ông D , hai bên đã tiến hành thủ tục chuyển nhượng theo quy định và vợ chồng ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay ông yêu cầu được tiếp tục sử dụng

phần đất diện tích 90m². Đối với tranh chấp thừa kế giữa ông N với ông T thì ông không có ý kiến gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2016/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2017, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Tháp quyết định:

Căn cứ khoản 1, Điều 34; khoản 1, Điều 131 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 609, 612, 630, 631, 634, 643, 649, 650, 651, 652, 655 Bộ luật Dân sự năm 2015; Pháp lệnh số 10/2009 ngày 27/02/2009 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quốc N, chị Nguyễn Thị Ngọc Ph và anh Nguyễn Quốc H về việc yêu cầu chia thừa kế.

Buộc ông Nguyễn Tấn T giao cho anh Nguyễn Quốc N được thừa kế phần đất có diện tích 402m², tại thửa 202, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc tại phường 3, thành phố Cao Lãnh có tứ cận như sau:

+ Chiều ngang mặt trước giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai là từ mốc A đến mốc B là 15m.

+ Chiều ngang sau giáp đất của ông T từ mốc C đến mốc D là 15m.

+ Chiều dài một bên giáp đất Lê Quang D từ mốc A đến mốc D là 26,8m.

+ Chiều dài còn lại giáp đất của ông T từ mốc B đến mốc C là 26,8m.

Ông T có nghĩa vụ trả tiền chênh lệch thừa kế cho anh N là 49.768.000 đồng.

Kể từ ngày anh N có đơn yêu cầu thi hành án, mà ông T chưa thi hành xong số tiền trên, thì phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành theo quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

Anh N, chị Nguyễn Thị Đ cùng gia đình có nghĩa vụ di dời nhà, cơ sở vật chất (nếu có) về phần đất được phân chia.

(Kèm theo biên bản thẩm định ngày 08/7/2016, sơ đồ hiện trạng ngày 11/12/2007 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng tỉnh Đồng Tháp).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí thẩm định định giá tài sản, án phí, thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/10/2017 ông Nguyễn Tấn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên Tòa phúc thẩm:

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định

của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đầy đủ các chứng cứ và quyết định đúng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các đương sự; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Nguyễn Tấn T trình bày: Khu đất mà Tòa án chia thừa kế diện tích thực chỉ còn 3.138,9m², chứ không phải 3.613,5m² như Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định. Khu đất này cha của ông Thanh được ông nội của ông T cho và đã làm di chúc cho ông T được hưởng toàn bộ. Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất tranh chấp mà chỉ căn cứ vào bản đồ năm 2007 rồi tự đánh dấu thêm mốc ranh trên bản đồ này để xác định diện tích đất anh Nguyễn Quốc N được chia theo vị trí mới và đánh dấu thêm mốc ranh phần đất 200m² dành làm khu mồ mả. Nếu như vị trí đất chia theo bản án sơ thẩm thì hiện tại gia đình ông N không có lối đi ra đường công cộng, vì ranh được chia giáp với phần đất quy hoạch làm đường Nguyễn Thị Minh Khai, nhưng đường Nguyễn Thị Minh Khai mới chỉ có quy hoạch chứ chưa thực hiện và phần đất quy hoạch này là của gia đình ông T, không thuộc phần đất chia thừa kế, hiện nay gia đình ông T đang quản lý, sử dụng. Phần đất 75m² theo bản đồ năm 2007 trong khu đất tranh chấp chia thừa kế là của ông T, ông T chưa cho ai. Việc ông N trình bày phần đất này đã được cụ T và cụ L cho ông N và bản đồ năm 2007 ghi là ông T cho các con của ông N đều không đúng. Việc Tòa án cấp sơ thẩm quy 24,99m² đất thổ cư mà ông N được chia ra 284,78m² đất vườn rồi buộc ông T giao thêm cho ông N 284,78m² đất vườn là không phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu của nguyên đơn.

Ông Nguyễn Quốc N trình bày: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với diện tích ông N được chia theo vị trí mới và phần đất 200m² dành làm khu mồ mả, mà do Tòa án tự xác định mốc giới trên bản đồ. Phần đất 75m² trong khu đất tranh chấp chia thừa kế nêu trên đã được cụ T và cụ L cho ông N, chứ không phải ông T cho các con của ông N. Nhưng bản đồ năm 2007 ghi là ông T cho các con ông N là sai. Hiện nay đường Nguyễn Thị Minh Khai mới có quy hoạch chứ chưa mở và phần đất quy hoạch này hiện nay gia đình ông T đang quản lý, sử dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông T.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và kết quả tranh tụng của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

1.1. Đơn kháng cáo, nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã được đương sự thực hiện đúng quy định của pháp luật.

1.2. Tại phiên toà phúc thẩm có một số đương sự vắng mặt, nhưng các đương sự này đã uỷ quyền cho người khác có mặt tham gia phiên toà, hoặc họ có đơn yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt hoặc đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng họ vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

2.1. Các đương sự thừa nhận vợ chồng cụ Nguyễn Văn T và cụ Lê Thị L có 05 người con gồm:

1. Ông Nguyễn Tấn K (chết 2005) có các con là Nguyễn Tấn D (chết 2007), Nguyễn Tấn H, Nguyễn Thị Cẩm T (chết 2003);

2. Bà Nguyễn Thị Đ ;

3. Bà Nguyễn Thị T (chết năm 1995) có chồng Nguyễn Văn V, ly hôn năm 1961. Có các con là Nguyễn Quốc N, Nguyễn Thị Ngọc Ph, Nguyễn Quốc H. Chồng thứ hai là Lê Văn S có con là Nguyễn Trung T, Nguyễn Trung C, Nguyễn Quốc H (chết năm 1978);

4. Ông Nguyễn Kim L (định cư tại Mỹ);

5. Ông Nguyễn Tấn T.

Cụ L chết năm 2000, cụ T chết năm 2004.

Các đương sự đều thừa nhận diện tích đất 3.613,5m² theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng ngày 11/12/2007 do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Đồng Tháp thực hiện, thuộc thửa 202, 412, 499, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại số 350, đường 30/4, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp có nguồn gốc là tài sản của cụ T và cụ L, hiện nay do ông Nguyễn Tấn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.2. Anh Nguyễn Quốc N, chị Nguyễn Thị Ngọc Ph, anh Nguyễn Quốc H yêu cầu chia thừa kế phần di sản của cụ Nguyễn Văn T và cụ Nguyễn Thị L. Do chị Ph, anh H nhường quyền thừa kế cho anh, nên anh N yêu cầu được hưởng 3/5 phần tài sản mà bà T (mẹ anh N) được hưởng diện tích là 433,35m² đất trong khối di sản của cụ T và cụ L.

Ông T không đồng ý theo yêu cầu của anh N . Trong trường hợp chia thừa kế thì ông T yêu cầu chia diện tích còn lại 2.938,9m². Trong đó, ông T được hưởng 50% diện tích đất là 1.469,45m². Phần còn lại 1.469,45m² là của mẹ ông (cụ L) thì ông T yêu cầu được hưởng 1.424,26m² đất.

2.3. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Tấn T :

Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên toà phúc thẩm hôm nay thì có đủ cơ sở xác định khu đất tranh chấp nêu trên là di sản của cụ Nguyễn Văn T và cụ Lê Thị L . Cụ T đã làm di chúc để lại phần di sản cho ông Nguyễn Tấn T , còn phần di sản của cụ L để lại không có di chúc. Toà án cấp sơ thẩm chia thừa kế phần di sản của cụ L cho các đồng thừa kế là đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, ông Nguyễn Tấn T , anh Nguyễn Quốc N đều thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành đo vẽ lại đối với diện tích ông N được chia theo vị trí mới và phần đất 200m² dành làm khu mô mã, mà do Tòa án tự xác định mốc giới trên Sơ đồ đo đạc hiện trạng ngày 11/12/2007 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Đồng Tháp. Trong khi đó vị trí và diện tích đất ông N được chia theo bản án sơ thẩm khác với vị trí, diện tích đất ông N được chia thể hiện tại Sơ đồ đo đạc hiện trạng này. Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm sử dụng Sơ đồ đo vẽ năm 2007 rồi tự chắm mốc giới trên đó để chia đất cho đương sự mà không đo đạc lại sẽ xảy ra tình trạng các vị trí mốc giới, diện tích đất được chia sẽ không chính xác trên thực tế và sẽ gây khó khăn cho việc thi hành án, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Vị trí mới của phần đất ông N được chia có một cạnh giáp ranh với phần đất thuộc quy hoạch mở đường Nguyễn Thị Minh Khai, một cạnh giáp khu đất của ông Lê Quang D , các cạnh còn lại đều giáp đất của ông N . Tuy nhiên, ông T và ông N thừa nhận phần đất quy hoạch làm đường Nguyễn Thị Minh Khai hiện nay do gia đình ông T quản lý, sử dụng và không thuộc phần đất chia thừa kế. Về đường hẻm hiện tại gia đình ông N đang sử dụng để đi ra đường công cộng thì các đương sự đều thừa nhận do ông N đang quản lý sử dụng. Theo nhận định của bản án sơ thẩm thì phần đất đường hẻm này được chia cho ông T . Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm chia bất động sản cho ông N không bao gồm lối đi ra đường công cộng là chưa giải quyết triệt để các vấn đề của vụ án, làm thiệt hại đến quyền lợi của gia đình ông N . Tòa án cấp phúc thẩm cũng không thể sử dụng Sơ đồ đo đạc hiện trạng ngày 11/12/2007 nêu trên để sửa bản án sơ

thẩm về phần này được. Ngoài ra trên phần đất anh N được chia có một phần thuộc diện tích đất của 01 ngôi mộ, theo ông T và ông N trình bày thì đây là ngôi mộ của một người bà con xa đã chết từ lâu. Toà án cấp sơ thẩm chưa làm rõ tình tiết này là thiếu sót.

Ông N trình bày phần đất 75m² trong khu đất tranh chấp chia thừa kế nêu trên đã được cụ T và cụ L cho ông N, nhưng ông T không thừa nhận mà cho rằng phần đất này là của ông T chưa cho ai. Tuy nhiên, trong Sơ đồ đo đạc hiện trạng ngày 11/12/2007 nêu trên lại có ghi chú nội dung ông T đã cho con của ông N phần 75m² đất này. Như vậy, thực tế các đương sự còn đang tranh chấp về quyền sử dụng, về việc tặng cho tài sản đối với phần đất 75m² trong khu đất chia thừa kế và còn liên quan đến các con của anh N. Toà án cấp sơ thẩm chưa làm rõ phần đất này có còn là một phần trong khối di sản của cụ T và cụ L hay không mà vẫn gộp phần đất này vào khối di sản của cụ T và cụ L để chia thừa kế là chưa có căn cứ vững chắc, làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của đương sự.

Đây là vụ án tranh chấp về chia thừa kế, nhưng phần quyết định của bản án sơ thẩm chỉ có nội dung chia thừa kế cho anh N chứ không có nội dung chia thừa kế cho ông T là không phù hợp với quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T.

[3] Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy việc thu thập chứng cứ của Toà án cấp sơ thẩm chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Tấn T; huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do huỷ bản án sơ thẩm nên ông Nguyễn Tấn T không phải chịu.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Tấn T ; huỷ toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2016/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành tỉnh Đồng Tháp.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giải quyết lại vụ theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Tấn T không phải chịu. Trả lại cho ông T 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 17345 ngày 12/10/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP. HCM (1);
- TAND tỉnh Đồng Tháp (1);
- VKSND tỉnh Đồng Tháp (1);
- Cục THA DS tỉnh Đồng Tháp (1);
- Các đương sự ();
- Lưu (3), (32 b) HQ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Huynh

